

## GHI NHẬN LOÀI DƠI MUỖI NHẬT BẢN, *Pipistrellus abramus* (Temminck, 1838) TẠI ĐẢO BẠCH LONG VĨ, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

VƯƠNG TÂN TÚ, NGUYỄN TRƯỜNG SƠN, LÊ HÙNG ANH

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Kể từ những năm 1990 đến nay, việc nghiên cứu về khu hệ dơi ở Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ quan trọng. Chẳng hạn, tổng số loài dơi ghi nhận được ở nước ta năm 1992 từ 70 loài [2], nay đã lên đến gần 120 loài, trong đó có nhiều loài mới cho khoa học được mô tả [5]. Tuy vậy, những thông tin về sự phân bố của hầu hết các loài dơi ở Việt Nam vẫn còn chưa đầy đủ vì nhiều nơi, đặc biệt là những nơi khó tiếp cận như các hải đảo xa xôi chưa được nghiên cứu đầy đủ.

Đảo Bạch Long Vĩ (BLV) là đảo nằm trong hệ thống đảo ven bờ xa nhất của Việt Nam trong vịnh Bắc Bộ, cách thành phố Hải Phòng khoảng 133km về phía Tây, cách mũi Tachiao Tou của đảo Hải Nam Trung Quốc khoảng 130km về phía Đông (Hình 1, phần A) [6]. Với vị trí địa lý của mình, BLV không chỉ có vai trò trọng yếu đối với an ninh-quốc phòng biển đảo của Việt Nam ở vịnh Bắc Bộ, mà còn đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của nước ta [6]. Bên cạnh đó, BLV cũng là Khu Bảo tồn Biển ở Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ kí quyết định thành lập nhằm bảo vệ các giá trị đa dạng sinh học quan trọng có trên đất liền và vùng biển đảo nơi đây [8]. Theo các nghiên cứu trước đây, 16 loài thú, bao gồm cả các loài thú biển đã được ghi nhận tại BLV [6]. Trong đó, dựa trên quan sát, các tác giả trước đây đã ghi nhận trên đảo BLV có loài dơi muỗi Java, *Pipistrellus javanicus* Gray, thuộc giống *Pipistrellus* Kaup [6, 9]. Mặc dù, việc định loại dơi dựa vào quan sát cần phải kiểm chứng lại, nhưng chắc chắn chúng là một trong những loài thú bản địa của BLV.

Trong đợt điều tra vào tháng 7 năm 2014 của Đề tài VAST.NĐP.01/14-15 tại đảo BLV (Hình 1, phần A), chúng tôi đã thu được ba cá thể dơi (01 ♂ trưởng thành, 01 ♂ non, 01 ♀ non) thuộc giống *Pipistrellus*. Việc kiểm tra mẫu tại phòng thí nghiệm sau đó xác nhận chúng đều thuộc về loài dơi muỗi Nhật Bản, *Pipistrellus abramus* (Temminck).

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trên thực địa, tất cả các mẫu dơi được thu bằng lưới mờ cỡ mắt 70 mm, kích thước 10 x 3 m, 12 x 2,5 m được giăng gần hồ nước trong khu dân cư trên đảo BLV. Các mẫu dơi mắc lưới được chụp ảnh, xác định tuổi, đo các chỉ số hình thái ngoài và định loại sơ bộ dựa theo một số tài liệu chuyên ngành [2, 5]. Các mẫu này đều được xử lý lại làm tiêu bản theo quy trình trình bày trong Kruskop, 2013 [5] và được lưu giữ tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật. Việc quan sát và phỏng vấn người dân trên đảo cũng được thực hiện để thu thập thêm thông tin về nơi kiếm ăn, chỗ trú ngụ của dơi và một số đặc điểm sinh thái, tập tính của chúng.

Việc chẩn loại các mẫu sau đó được thực hiện bằng việc so sánh hình thái ngoài và baculum (xương ngọc hành) của mẫu dơi trưởng thành thu được tại BLV với các loài trong giống *Pipistrellus* có phân bố tại Việt Nam và các khu vực lân cận trong vùng Indo-Malai đã được công bố [2, 4, 5].

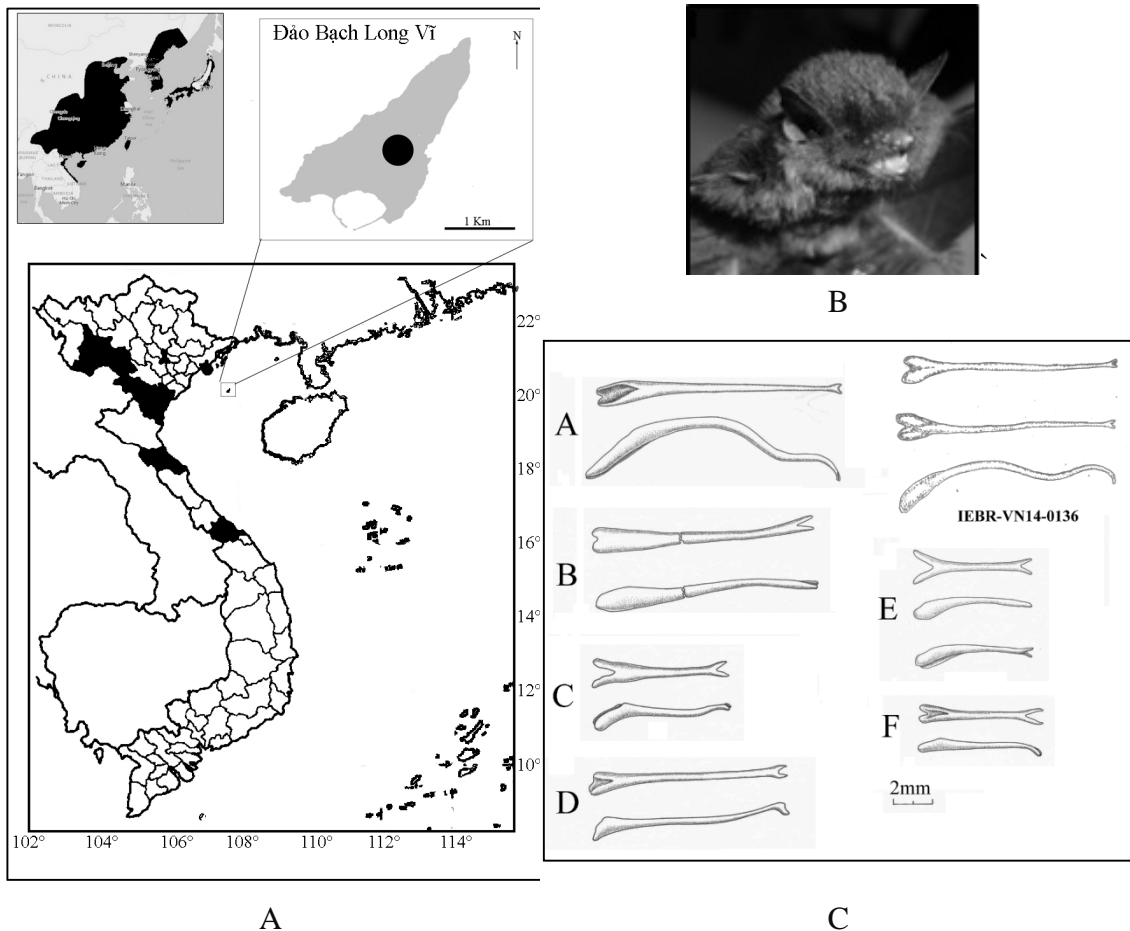
### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 1. Kết quả so sánh hình thái

Theo Kruskop (2013) [5], tại Việt Nam, giống *Pipistrellus* đã ghi nhận được sáu loài, bao gồm: *P. abramus*, *P. ceylonicus*, *P. coromandra*, *P. paterculus*, *P. tenuis* và *P. javanicus*. Các

loài dơi này có hình thái ngoài và kích thước tương đối giống nhau. Chúng cũng phân bố đan xen nên việc định loại chúng dựa trên các đặc điểm hình thái gặp nhiều khó khăn. Mặc dù vậy, theo các tài liệu đã công bố [2, 4], các loài dơi thuộc giống *Pipistrellus* có phân bố tại Việt Nam có thể phân biệt được bằng hình thái của baculum của con đực.

Qua so sánh, baculum của mẫu dơi thu được tại BLV có kích thước hơi nhỏ hơn nhưng hoàn toàn tương đồng về cấu trúc so với mẫu dơi thu được trước đó của loài *P. abramus* tại Nanking, Trung Quốc (hình 1, phần C) [4]. Theo đó, baculum của loài *P. abramus* và các loài khác thuộc giống *Pipistrellus* đều có chung một dạng (như phần gốc có rãnh, phình to hơn phần ngọn; cả gốc và ngọn đều xê thùy hình chữ V), nhưng loài *P. abramus* có thể phân biệt được các loài còn lại bởi độ dài và độ cong rất đặc trưng (hình 1, phần C).



**Hình 1:** A - Bản đồ phân bố của loài *P.abramus* trên thế giới [1] và tại Việt Nam [5] và vị trí thu mẫu tại đảo Bạch Long Vĩ; B - Hình chụp mẫu *P. abramus* (IEBR-VN14-0136, ♂) thu tại đảo BLV; C - So sánh hình thái baculum của mẫu *P. abramus* (IEBR-VN14-0136, ♂) thu tại đảo BLV với những loài trong giống *Pipistrellus* có phân bố tại Việt Nam (theo Hill & Harrison (1987) [4]: A, *P. abramus* (BMNH 7.7.3.26, Nanking, China); B, *P. ceylonicus* (BMNH 2.4.2.8, Astoli, Belgoun, India); C, *P.coromandra (tramatus)* (BMNH 4.6.8.1 Annam, Vietnam); D, *P. paterculus* (BMNH 14.7.19.242, Mount Popa, Upper Burma); E, *P.tenuis (nitidus)* (BMNH 85.912, Coast of Sabah, Borneo); và *P. javanicus* (BMNH 83.76, Silou Silou trail, Mount Kinabalu, Sabah, Borneo)

Việc so sánh các đặc điểm hình thái ngoài của mẫu dơi thu được tại BLV cũng tương đồng với dẫn liệu đã công bố về loài *P. abramus*. Chẳng hạn, chúng đều có kích thước bé. Màu lông xám, lưng sẫm màu hơn so với bụng. Kích thước dương vật và baculum của con đực rất dài và cong (Hình 1, phần B và C). Số đo một số đặc điểm hình thái ngoài của mẫu thu tại BLV (IEBR-VN14-0136, ♂) cũng tương tự với các mẫu ghi nhận tại những nơi khác ở Việt Nam (số liệu trong ngoặc là giá trị min-max trình bày trong Kruskop, 2013 [5]): trọng lượng 4g (3,4-6,6), chiều dài cẳng tay (FA): 29,8 mm (27,8-32,8); Chiều dài thân (HB): 44 mm (36,5-49); chiều dài đuôi (Tail): 37 mm (30-40); chiều dài tai (Ear): 12,1 mm (9,3-12,5). Chính vì vậy, chúng tôi xác nhận mẫu dơi thu được tại BLV thuộc loài *P. abramus*.

## 2. Mở rộng vùng phân bố của loài dơi muỗi Nhật Bản, *P. abramus* tại Việt Nam

Loài dơi muỗi Nhật Bản, *P. abramus*, có vùng phân bố rộng, từ vùng Viễn Đông (Siberia) của Nga, sang các nước Đông Á, xuống Nam Trung Quốc, Bắc Đông Dương và miền Bắc Ấn Độ. Tại Việt Nam, loài dơi này đã được ghi nhận ở Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tam Đảo (Vĩnh Phúc), Hà Nội, Cúc Phương (Ninh Bình), Cát Bà (Hải Phòng), Ngọc Lặc (Thanh Hóa), Vũ Quang (Hà Tĩnh), Thừa Thiên-Huế (Hình 1A)[1, 2, 5].

Như đã đề cập trong phần đặt vấn đề, trên cơ sở quan sát, các tác giả trước đây đã ghi nhận loài dơi muỗi Java, *P. javanicus*, tại đảo BLV [9]. Tuy nhiên, việc định loại dơi dựa trên quan sát là một phương pháp thiếu chính xác đối với nhóm động vật này. Trong khi đó, các cá thể dơi mà chúng tôi ghi nhận được tại đảo BLV đều thuộc loài dơi muỗi Nhật Bản, *P. abramus*. Do vậy, việc phát hiện loài dơi *P. abramus* tại BLV không chỉ mở rộng vùng phân bố của loài này tại Việt Nam, mà còn cung cấp cơ sở khoa học để cho rằng loài dơi này có thể bị định danh nhầm sang *P. javanicus* trong các nghiên cứu trước đây tại BLV. Mặc dù vậy, do hai loài *P. abramus* và *P. javanicus* có vùng phân bố đan xen nhau và chúng cũng tương đồng về kích thước [5], nên liệu loài dơi *P. javanicus* sự có mặt trên đảo hay không vẫn cần phải có thêm những nghiên cứu tiếp theo.

## 3. Một số ghi nhận về đặc điểm sinh học và tập tính của loài *P. abramus* tại BLV

Theo kết quả thu mẫu, hai trong số ba cá thể thu được tại BLV còn non. Thời điểm thu mẫu khi đó vào tháng 7, tức giữa mùa mưa ở phía Bắc Việt Nam. Do đó, những con non này có thể được sinh ra trước đó, có thể là đầu mùa mưa. Điều này hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu trước đây của Furey *et al.* (2011) [3] cho thấy khoảng thời gian từ tháng 3-7 hàng năm là mùa sinh sản của các loài dơi ăn muỗi ghi nhận tại phía Bắc Việt Nam.

Dựa trên nghiên cứu trước đây của Vương Tân Tú và cs (2010) [10], tại khu vực đô thị ở Hà Nội, loài dơi *P. abramus* thường hoạt động ở những nơi gần nguồn nước (ao, hồ,...) và đèn đường - những nơi có nhiều côn trùng hoạt động vào ban đêm. Hoạt động kiếm ăn của chúng từ lúc nhập nhạng tối đến tận bình minh, song thời gian kiếm ăn chính vào mùa hè tập trung vào lúc hoàng hôn (18h00 - 19h30) và lúc bình minh (4h30 - 5h30). Chúng cũng thường tập trung thành đàn nhỏ, cư trú trong những hốc hoặc khe nứt nhỏ tại những ngôi nhà hoặc công trình nhân tạo. Tại BLV, việc thu mẫu, quan sát và phỏng vấn cũng cho thấy quần thể dơi *P. abramus* tại đây cũng có những tập tính tương tự như vậy.

## III. KẾT LUẬN

Việc loài dơi muỗi Nhật Bản, *P. abramus* được ghi nhận tại đảo BLV đã mở rộng vùng phân bố của loài này ra đảo xa bờ của Việt Nam trong vịnh Bắc Bộ. Do sự cách ly về mặt địa lý, cần phải có những nghiên cứu tiếp theo để tìm hiểu quá trình định cư và tiến hoá của quần thể dơi tại đảo BLV so với trên đất liền.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. **Bates, P. J. J, K. A. Tsytsulina**, 2008. *Pipistrellus abramus*. The IUCN Red List of Threatened Species. Version 2014.2 <http://www.iucnredlist.org>. Accessed date 15/5/ 2015.
2. **Corbet G. B., J. E. Hill**, 1992. The mammals of the Indomalayan region: A systematic review. Oxford University Press, Oxford, UK, 488 pp.
3. **Furey, N. M., I. J. Mackie, P. A. Racey**, 2011. Acta Chiropterol., 13(2): 341–54.
4. **Hill, J. E., D. L. Harrison**, 1987. Bulletin of the British Museum (Natural History) Zoology, 52: 225–305.
5. **Kruskop S. V**, 2013. Bats of Vietnam: Checklist and an identification manual. KMK Sci Press, Moscow, Russia, 316.
6. **Bùi Đức Quang, Lê Xuân Cảnh, Hà Quý Quỳnh**, 2013. Đa dạng thú, chim, bò sát và ếch nhái tại đảo Bạch Long Vĩ, thành phố Hải Phòng. Báo cáo Hội nghị toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ năm. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội: 616–619.
7. **Simmons N. B.**, 2005. Order Chiroptera. In: Wilson D. E., and Reeder D. M. (eds.) Mammal species of the World: a taxonomic and geographic reference (Third edition). Johns Hopkins University Press, London, UK, p. 312-529.
8. **Trần Đức Thạnh, Nguyễn Văn Quân, Trần Đình Lân, Nguyễn Thị Minh Huyền, Đinh Văn Huy**, 2014. Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển, 13(3A): 282–291.
9. **Trần Đức Thạnh, Trần Đình Lân, Nguyễn Thị Minh Huyền, Đinh Văn Huy, Nguyễn Văn Quân, Cao Thị Thu Trang, Trần Anh Tú**, 2013. Thiên nhiên và Môi trường vùng biển đảo Bạch Long Vĩ. Nxb. KHTN & CN, Hà Nội, 276 trang.
10. **Vương Tân Tú, Vũ Đình Thống, Nguyễn Cảnh Tiên Trình, N. M. Furey**, 2010. Đặc điểm siêu âm của loài dơi *Pipistrellus abramus* Temminck ghi nhận tại khu vực đô thị ở Hà Nội, Việt Nam. Báo cáo Hội nghị Khoa học kỷ niệm 35 năm Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Nxb. KHTN & CN, Hà Nội, trang 102–108.

**FIRST RECORD OF JAPANESE PIPISTRELLE, *Pipistrellus abramus* (Temminck, 1838) ON BACH LONG VI ISLAND, HAI PHONG CITY**

VUONG TAN TU, NGUYEN TRUONG SON, LE HUNG ANH  
SUMMARY

Bach Long Vi (BLV) is a small island located in the Gulf of Tonkin. It is separated from the nearest inland islands of Vietnam and Hainan island of China by ca. 130 km water. The island has particularly important position on defense, security and economic development of Vietnam. BLV and its surrounding areas were also designed as Marine Nature Reserveto protect various ecosystems and creatures, including endemic and endangered species. Bats were known as one of native mammalian groups of the island, yet little is known about their diversity. In July 2014, three small vesper bats were collected on BLV island. Our morphological examinations indicate that they are Japanese pipistrelle, *P. abramus*. The obtained data, therefore, suggests that previous studies have confused this species with its sister, *P. javanicus*. Since bats of *P. abramus* found on BLV island are isolated from those of the adjacent territories, further studies are needed to elucidate the process of their island colonization and the evolutionary relationship among these all patric populations.